

**BÁO CÁO**  
**Công tác Y tế tháng 02 năm 2023**  
**Phương hướng nhiệm vụ tháng 03/2023**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Y tế báo cáo công tác Y tế tháng 02/2023, phương hướng nhiệm vụ tháng 03/2023 như sau:

**A. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC Y TẾ THÁNG 02 NĂM 2023**

**I. CÔNG TÁC Y TẾ DỰ PHÒNG**

**1. Tình hình dịch bệnh trong tháng:**

a) Trong tháng 02/2023, tình hình dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh như sau<sup>1</sup>:

Trong tháng ghi nhận 06 bệnh có ca mắc rải rác, không gây dịch:

- Bệnh quai bị: Số ca mắc: 03, tích lũy: 05; số ca tử vong: 0, tích lũy: 0<sup>2</sup>
- Bệnh thủy đậu: số ca mắc: 53, tích lũy: 66; số ca tử vong: 0, tích lũy: 0<sup>3</sup>
- Tay chân miệng: Số ca mắc: 09, tích lũy: 47; tử vong: 0, tích lũy: 0<sup>4</sup>
- Lao phổi: số ca mắc: 01, tích lũy: 02; số ca tử vong: 0, tích lũy: 0<sup>5</sup>
- Viêm gan virus B: số ca mắc: 01, tích lũy: 02; số ca tử vong: 0, tích lũy: 0<sup>6</sup>
- 01 bệnh có số mắc cao: Sốt xuất huyết (A90): Số ca mắc: 113, giảm 121 ca so với tháng trước; tích lũy mắc: 356 (do bổ sung 9 ca mắc trong tháng 12/2022), tăng 131 ca so với cùng kỳ năm trước. Số ca tử vong: 0, giảm 1 ca so với tháng trước; tích lũy tử vong: 1, tăng 1 ca so với cùng kỳ năm trước.

b) Nhận xét, đánh giá tình hình dịch bệnh truyền nhiễm:

- Trong tháng 02 ghi nhận 06 bệnh truyền nhiễm có số ca mắc<sup>7</sup>, trong đó 05 bệnh có số mắc rải rác, 01 bệnh sốt xuất huyết.

<sup>1</sup>Các bệnh có số mắc 0, tử vong 0: Tả (A00): số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Viêm não Nhật Bản: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Viêm màng não do não mô cầu (A39): số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Cúm A/H5N1: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Cúm A/H7N9: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Cúm A/H1N1: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Bệnh Ho gà: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Bệnh Bạch hầu: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Sốt phát ban nghi sởi: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Sởi dương tính: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Bệnh do virus Zika: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Bệnh Đại: số ca mắc: 0, tích lũy: 0

<sup>2</sup>Bệnh Quai bị: Số ca mắc: 03, tích lũy: 05; giảm 04 ca so với cùng kỳ năm trước; Số ca tử vong: 0, tăng 0 ca so với tháng trước; Tích lũy: 0, tăng 0 ca so với cùng kỳ năm trước.

<sup>3</sup>Bệnh Thủy đậu: Số ca mắc 53, tích lũy: 66, tăng 40 ca so với cùng kỳ năm trước; Số ca tử vong: 0, tăng 0 ca so với tháng trước; Tích lũy: 0, tăng 0 ca so với cùng kỳ năm trước.

<sup>4</sup>Bệnh Tay chân miệng: Số ca mắc 9, tích lũy: 47, giảm 29 ca so với cùng kỳ năm trước; Số ca tử vong: 0, tăng 0 ca so với tháng trước, Tích lũy: 0, tăng 0 ca so với cùng kỳ năm trước.

<sup>5</sup>Bệnh Lao phổi: Số ca mắc 01 ca, số ca mắc bằng so với tháng trước ; Tích lũy: 02; Số ca tử vong: 0, tăng 0 ca so với tháng trước; Tích lũy: 0, tăng 0 ca so với cùng kỳ năm trước.

<sup>6</sup>Bệnh Viêm gan virus: Số ca mắc 01 ca, tích lũy: 02 ca, số ca mắc bằng so với cùng kỳ năm trước; Số ca tử vong: 0, tăng 0 ca so với tháng trước; Tích lũy: 0, tăng 0 ca so với cùng kỳ năm trước.

## - Bệnh Sốt xuất huyết:

### Bệnh sốt xuất huyết:

+ Số ca mắc đến 15/02 là: 356 ca, tăng 1,6 lần so cùng kỳ năm trước.

### + Giải pháp đã triển khai

+ Giám sát các ca bệnh tại 08 huyện/thị xã/thành phố và tiếp tục duy trì các giải pháp nhằm giảm số bệnh nhân SXH nặng, hạn chế tử vong<sup>8</sup>;

+ Bệnh nhân điều trị tại bệnh viện là: 76, đạt 67,3% tổng số mắc. Hiện đang điều trị 10 trường hợp (cập nhật đến 16 giờ ngày 12/02/2023).

## **2. Tình hình dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh cập nhật ngày 12/02/2023:** *Đính kèm báo cáo của Trung tâm Chỉ huy.*

- Từ ngày 01/01/2023 đến nay toàn tỉnh ghi nhận **43** ca mắc, **00** ca tử vong.

- Trong **170** ngày qua (tính từ ngày 25/8/2022), chưa ghi nhận thêm trường hợp tử vong do COVID-19.

- Lũy tích từ khi dịch khởi phát đến nay (tính từ ngày 28/06/2021), toàn tỉnh ghi nhận **136.259** ca mắc, có **135.757** người khỏi bệnh (chiếm 99,6%), **483** ca tử vong (chiếm 0,4%).

### **Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 (tính đến 18g00 ngày 11/02/2023)**

<b>Số vắc xin được Bộ Y tế phân bổ (tính đến 03/01/2023)</b>	<b>3.196.998</b> liều
<b>Người trên 18 tuổi</b> (884.929 người)	
+ Tiêm mũi 3:	<b>721.389/ 884.929</b> (đạt <b>81,56%</b> ) (+0)
+ Tiêm mũi 4:	<b>177.524 / 884.929</b> (đạt <b>20,14%</b> ) (+0) <i>(đạt 108,68% nếu tính trên số người chỉ định tiêm mũi 4(*) là 163.990 người)</i>
<b>Trẻ em 12-17 tuổi</b> (103.714 trẻ):	
+ Tiêm mũi 3:	<b>57.790 / 103.714</b> (đạt <b>55,72%</b> ) (+0)
<b>Trẻ em 5-11 tuổi</b> (137.780 trẻ):	
+ Tiêm mũi 1:	<b>102.532 / 137.780</b> (đạt <b>74,42%</b> ) (+0)
+ Tiêm mũi 2:	<b>60.756 / 137.780</b> (đạt <b>44,10%</b> ) (+0)

## **3. Công tác tiêm chủng mở rộng:**

- Số trẻ tiêm đủ 8 loại vắc xin cho trẻ dưới 1 tuổi 171 trẻ, số cộng dồn 2.509, đạt tỷ lệ 16,46% chỉ tiêu kế hoạch được giao (98%).

- Số trẻ được tiêm phòng uốn ván sơ sinh 250 trẻ, số cộng dồn 1.133, đạt tỷ lệ 7,43% chỉ tiêu kế hoạch được giao (>85%).

<sup>7</sup> Thương hàn, Viêm não vi rút, Quai bị, Thủy đậu, Tay chân miệng, Sốt xuất huyết, Bệnh do liên cầu lợn ở người.

<sup>8</sup> Công văn số 3396/SYT-NV ngày 02/8/2022 của Sở Y tế, Công văn số 4013/SYT-NV ngày 07/9/2022. Công văn 4014/SYT-NV ngày 07/9/2022 của SYT.

- Số trẻ được tiêm vắc xin VNNB3 cho trẻ đã tiêm đủ 02 liều Viêm não Nhật Bản 270 trẻ, số cộng dồn 1.078, đạt tỷ lệ 7,19% chỉ tiêu kế hoạch được giao (90%).

- Số trẻ được tiêm đủ 2 liều Viêm não Nhật Bản cho trẻ  $\geq 12$  tháng 393 trẻ, số cộng dồn 1.078, đạt tỷ lệ 10,13% chỉ tiêu kế hoạch được giao (90%).

- Số trẻ tiêm nhắc DPT4 cho trẻ  $\geq 18$  tháng 393 trẻ, số cộng dồn 1.594, đạt tỷ lệ 10,56% chỉ tiêu kế hoạch được giao (90%).

- Số trẻ tiêm MR cho trẻ  $\geq 18$  tháng 476 trẻ, số cộng dồn 2.341 trẻ, đạt tỷ lệ 15,51% chỉ tiêu kế hoạch được giao (95%).

- Số phụ nữ có thai tiêm đủ liều vắc xin uốn ván 389 mũi, số cộng dồn 2.090, đạt tỷ lệ 13,59% chỉ tiêu kế hoạch được giao (90%)

- Không để xảy ra các bệnh bại liệt, bạch hầu, ho gà, sởi uốn ván sơ sinh.

#### **4. Công tác phòng, chống HIV/AIDS:**

##### **a) Tình hình nhiễm HIV/AIDS**

<b>Nội dung báo cáo</b>	<b>Tháng báo cáo (Từ 01/01/2023 đến 31/01/2023)</b>	<b>Tháng trước tháng báo cáo (Từ 01/12/2022 đến 31/12/2022)</b>	<b>Tháng cùng tháng báo cáo năm trước (Từ 01/01/2022 đến 31/01/2022)</b>
Số người nhiễm HIV báo cáo trong tháng (gồm cả số mới xét nghiệm và số xét nghiệm lần trước)	07	11	07
Số chuyển bệnh nhân AIDS báo cáo trong tháng (gồm số mới trong tháng và số chuyển AIDS báo cáo bổ sung)	00	00	00
Số bệnh nhân tử vong báo cáo trong tháng (gồm số tử vong trong tháng và số tử vong từ trước báo cáo bổ sung)	01	00	00

##### **b) Nhận xét, đánh giá phòng, chống HIV/AIDS**

- Tính đến ngày 31/01/2023, số trường hợp nhiễm HIV tích lũy là 5.351 người (số hiện còn sống là 3.225 người), số bệnh nhân AIDS tích lũy đến hiện tại là 3.532 người, số người nhiễm HIV tử vong tích lũy là 2.126 trường hợp.

- So với tháng trước, số trường hợp nhiễm HIV giảm 04 trường hợp; số bệnh nhân AIDS tương đương (0 ca), số trường hợp tử vong tăng 01 trường hợp.

- So với cùng kỳ năm trước, số trường hợp nhiễm HIV tương đương (7 ca); số bệnh nhân AIDS tương đương (0 ca); số trường hợp tử vong tăng 01 trường hợp.

### c) Điều trị Methadone

- Tính đến 31/01/2023, số cơ sở điều trị Methadone là 03 cơ sở; tổng số bệnh nhân đang điều trị: 417 người.

+ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: 148 người

+ TTYT TP Vũng Tàu: 150 người

+ TTYT huyện Long Điền: 119 người

- Số cơ sở cấp phát Methadone/số huyện thị thành: 04/04 (gồm các cơ sở huyện Xuyên Mộc, huyện Châu Đức, huyện Đất Đỏ, thị xã Phú Mỹ).

\* Lưu ý: Số liệu 148 bệnh nhân hiện đang điều trị Methadone –TTKSBT bao gồm cả số liệu bệnh nhân đang uống tại cơ sở điều trị Methadone – TTKSBT và 4 điểm cấp phát thuốc Methadone vệ tinh Xuyên Mộc, Châu Đức, Đất Đỏ, Phú Mỹ của cơ sở điều trị Methadone.

### d) Hoạt động kiểm soát và phòng, chống HIV/AIDS

- Duy trì các hoạt động tại khoa: công tác báo cáo, dự trữ thuốc ARV nguồn BHYT; mua thẻ BHYT cho bệnh nhân không có điều kiện mua thẻ; hoạt động cấp phát thuốc cho bệnh nhân Methadone.

- Thực hiện giám sát hỗ trợ kỹ thuật hoạt động phòng, chống HIV/AIDS, cơ sở điều trị Methadone trên địa bàn.

- Tăng cường thực hiện hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý người nhiễm (phần mềm HIV 4.0) tại tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch nhiệm vụ thường xuyên năm 2023.

- Triển khai các hoạt động dự án EPIC năm thứ 4 (01/10/2022-30/9/2023)

## **5. Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm:**

### a) Tình hình ngộ độc thực phẩm

- Trong tháng, không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm.

- Số liệu cộng dồn đến 02 tháng năm 2023: 00 vụ ngộ độc thực phẩm, 00 ca mắc, 00 ca tử vong.

### **Báo cáo kết quả sự cố liên quan đến an toàn thực phẩm tại Trường THCS Huỳnh Khương Ninh:**

- Tổng số học sinh được đưa vào bệnh viện, theo dõi và khám là 19.

- Qua khám, theo dõi có 14 học sinh sức khỏe bình thường không có triệu chứng đau bụng và buồn nôn; Chỉ có 05 em học sinh còn hơi mệt được nằm theo dõi tại phòng hồi sức.

- Đến 11 giờ cùng ngày, toàn bộ các em học sinh đang nằm theo dõi tại bệnh viện được cho về nhà ( bác sỹ kết luận các em học sinh này bị rối loạn tiêu hóa).

Từ những kết quả điều tra trên và căn cứ hồ sơ bệnh án bệnh viện (chẩn đoán dựa trên lâm sàng), diễn biến của các ca bệnh, kết quả xét nghiệm thức ăn, **Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm kết luận: Các em vào viện theo dõi ngày**

**13/01/2023 chưa đủ căn cứ để kết luận vụ ngộ độc thực phẩm, mà nghi nhiều đến rối loạn tiêu hóa do các em uống trà sữa buổi sáng khi bụng đói.**

**b) Triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm**

Triển khai các hoạt động mua mẫu, lấy mẫu xét nghiệm giám sát nguy cơ ô nhiễm thực phẩm đối với thực phẩm ăn ngay, nước uống đóng chai, nước đá, thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng tại các Cơ sở sản xuất, kinh doanh, Chợ, Cửa hàng tạp hóa và mẫu thực phẩm lưu tại các Nhà hàng - Khách sạn, Bếp ăn tập thể, Trường học.

**c) Kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm an toàn thực phẩm**

Tháng 02 toàn tỉnh đã kiểm tra 1.010 cơ sở, số cơ sở đạt tiêu chuẩn là 928, chiếm tỷ lệ 91,8%, số cơ sở vi phạm là 82, số cơ sở bị xử lý là 06, số tiền nộp phạt là 30.500.000 đồng. Trong đó:

- Tuyên tỉnh: số cơ sở kiểm tra: 20, số cơ sở đạt: 20, tỷ lệ đạt: 100%;
- Tuyên huyện: số cơ sở kiểm tra: 253, số cơ sở đạt: 221, tỷ lệ đạt: 87,4%;
- Tuyên xã: số cơ sở kiểm tra: 737, số cơ sở đạt: 687, tỷ lệ đạt: 93,2%;

Cộng dồn đến tháng 02: toàn tỉnh đã kiểm tra 1.723 cơ sở, số cơ sở đạt tiêu chuẩn là 1.601, chiếm tỷ lệ 92,9%, số cơ sở vi phạm là 122, số cơ sở bị xử lý là 11, số tiền nộp phạt là 54.375.000 đồng. Trong đó:

- Tuyên tỉnh: số cơ sở kiểm tra: 61, số cơ sở đạt: 59, tỷ lệ đạt: 96,7%;
- Tuyên huyện: số cơ sở kiểm tra: 392, số cơ sở đạt: 353, tỷ lệ đạt: 90,1%;
- Tuyên xã: số cơ sở kiểm tra: 1.270, số cơ sở đạt: 1.189, tỷ lệ đạt: 93,6%;

**d) Kết quả xét nghiệm**

- Các chỉ tiêu có tỷ lệ đạt 100% bao gồm: 356 mẫu thực phẩm kiểm tra Hàn the; 161 mẫu thực phẩm kiểm tra Formol; 54 mẫu rượu kiểm tra Methanol; 35 mẫu thực phẩm kiểm tra phẩm màu; 14 mẫu thực phẩm kiểm tra dấm ăn; 09 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrit; 10 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrat.

Cộng dồn đến tháng 02 năm 2023<sup>9</sup>: Các chỉ tiêu có tỷ lệ đạt 100% bao gồm: 502 mẫu thực phẩm kiểm tra Hàn the; 237 mẫu thực phẩm kiểm tra Formol; 81 mẫu rượu kiểm tra Methanol; 50 mẫu thực phẩm kiểm tra phẩm màu; 24 mẫu thực phẩm kiểm tra dấm ăn; 09 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrit; 09 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrat.

**đ) Công tác tuyên truyền**

- Tháng 02, viết 05 bài báo về an toàn thực phẩm trên toàn tỉnh; Số bài phát trên loa truyền thanh: 24; Tờ rơi, áp phích: 05 cái; Băng rôn: 67 cái; Xe loa tuyên truyền: 03; Nói chuyện chuyên đề ATTP: 32 buổi/ 22,337 người tham dự.

<sup>9</sup> Các chỉ tiêu có tỷ lệ đạt 100% bao gồm: 502 mẫu thực phẩm kiểm tra Hàn the; 237 mẫu thực phẩm kiểm tra Formol; 81 mẫu rượu kiểm tra Methanol; 50 mẫu thực phẩm kiểm tra phẩm màu; 24 mẫu thực phẩm kiểm tra dấm ăn; 09 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrit; 09 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrat..

- 502 mẫu thực phẩm kiểm tra hành the, đạt 502 mẫu, tỷ lệ đạt 100%.

- 237 mẫu thực phẩm kiểm tra Formol, đạt 237 mẫu, tỷ lệ đạt 100%.

- Cộng dồn đến tháng 02: viết 18 bài báo về an toàn thực phẩm trên toàn tỉnh; Số bài phát trên loa truyền thanh: 64; Pano: 260 cái; Tờ rơi, áp phích: 05 cái; Băng rôn: 67 cái; Xe loa tuyên truyền: 03; Nói chuyện chuyên đề ATTP: 32 buổi/ 22,337 người tham dự; Tập huấn kiến thức ATTP cho cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: 03 lớp/254 người.

**e) Nhận xét, đánh giá quản lý an toàn thực phẩm**

- Số lượt kiểm tra tháng 02/2023 cao hơn so với tháng 02/2022 (1.117 cơ sở, tăng 2,8 lần), lý do cùng kỳ năm 2022 do tình hình dịch bệnh vẫn chưa hoàn toàn ổn định do đó, nên hoạt động kiểm tra ATVS thực phẩm điều chỉnh để phù hợp với tình hình xã hội.

+ Tuyên tỉnh: số cơ sở kiểm tra: 61, số cơ sở đạt: 59, tỷ lệ đạt: 96,7%;

+ Tuyên huyện: số cơ sở kiểm tra: 392, số cơ sở đạt: 353, tỷ lệ đạt: 90,1%;

+ Tuyên xã: số cơ sở kiểm tra: 1.270, số cơ sở đạt: 1.189, tỷ lệ đạt: 93,6%;

- Tháng 02/2023, không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nào trên địa bàn tỉnh.

**6. Công tác quản lý môi trường y tế:**

**a) Vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp:**

- Số cơ sở quan trắc môi trường lao động: thực hiện trong tháng 00, số liệu cộng dồn: 01 cơ sở.

- Số cơ sở khám sức khỏe định kỳ/ số người được khám: thực hiện trong tháng là 21 cơ sở/138 người, số liệu cộng dồn: 42 cơ sở/307 người.

- Số cơ sở được khám bệnh nghề nghiệp/số người lao động được khám bệnh nghề nghiệp: thực hiện trong tháng là 0 cơ sở/0 người, số liệu cộng dồn là: 0 cơ sở/0 người.

- Số cơ sở lao động được quản lý: thực hiện trong tháng 21 cơ sở, số liệu cộng dồn 23 cơ sở.

**b) Công tác quản lý môi trường y tế:**

Thực hiện lấy và xét nghiệm 62 mẫu nước tại 14 cơ sở cấp nước trên địa bàn tỉnh<sup>10</sup>. Kết quả 62/62 mẫu (100%) đạt tiêu chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT.

**7. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình:**

**a) Hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình:**

- Hoạt động sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh

+ Hỗ trợ các đơn vị trong triển khai Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trong năm 2023.

+ Triển khai Chương trình tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh năm 2023.

<sup>10</sup>trong đó bao gồm: Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu: 24 mẫu, Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: 21 mẫu, Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ: 08 mẫu, Công ty Cấp nước Tóc Tiên: 06 mẫu, Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức: 3 mẫu

+ Tiếp tục triển khai Quyết định số 2186/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đến năm 2030; Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 24/6/2022 về việc triển khai thực hiện gói dịch vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

+ Sàng lọc trước sinh: trong tháng đã thực hiện xét nghiệm và tư vấn trả kết quả sàng lọc trước sinh cho 787 thai phụ.

+ Sàng lọc sơ sinh: Trong tháng đã thực hiện tư vấn và trả kết quả cho 745 trẻ được sàng lọc sơ sinh.

- Mô hình “Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân”

+ Duy trì các hoạt động truyền thông và duy trì sinh hoạt câu lạc bộ “tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân”.

+ Phối hợp truyền thông qua hệ thống phát thanh loa đài tại địa bàn dân cư, duy trì các hoạt động truyền thông lồng ghép, tư vấn trực tiếp tại cộng đồng.

- Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

+ Hướng dẫn các Phòng dân số thuộc Trung tâm Y tế tuyến huyện triển khai tổ chức các hoạt động truyền thông về giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh tại địa phương.

+ Duy trì sinh hoạt 22 câu lạc bộ Dân số-KHHGD và Dân số-Gia đình-Trẻ em của Hội phụ nữ và Hội nông dân tỉnh.

+ Tiếp tục truyền thông qua hệ thống loa đài tại địa phương và Trạm Y tế về Đề án “Can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh”.

- Tiếp tục triển khai việc rà soát thu thập, cập nhật thông tin trong cơ sở dữ liệu Dân số-KHHGD và thực hiện báo cáo điện tử thống kê chuyên ngành Dân số-KHHGD hàng tháng.

- Truyền thông về Dân số và phát triển: Tiếp tục thực hiện truyền thông, vận động nhân dân thực hiện chương trình dân số, chú trọng đến chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng tránh bệnh lây truyền qua đường tình dục, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn và phá thai; giới và mất cân bằng giới tính khi sinh; vận động cặp vợ chồng trẻ sinh đủ 2 con; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số.

#### b) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về dân số

- Tổng số trẻ được sinh ra trong tháng: 930 trẻ. Lũy kế 1.878 trẻ, tăng 52 trẻ so cùng kỳ năm 2022.

- Tổng số người sử dụng biện pháp tránh thai: 56.019 người, đạt 107,7% kế hoạch (kế hoạch giao 52.000 người).

#### c) Nhận xét, đánh giá

Các chỉ tiêu đạt so kế hoạch đề ra.

- Tỷ lệ sàng lọc trước sinh đạt 85%/ chỉ tiêu 85%.

- Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh đạt 80,1%/ chỉ tiêu 80,5%.
- Thực hiện dịch vụ KHHGD đạt 107%.

## **8. Công tác phòng chống lao, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính:**

### **a) Phòng chống lao**

- Tổng số khám phát hiện: 218, lũy tích 560.
- Số bệnh nhân lao mới 67, lũy tích 171; lao phổi mới 48, lũy tích 119.
- Số bệnh nhân điều trị khỏi chung 48/56; chiếm tỷ lệ 85,7%, trong đó lao phổi 27/29 chiếm 93%.
- Số quản lý điều trị lao kháng thuốc 02, lũy tích 07, đạt 14%.
- Số quản lý điều trị lao trẻ em 00, lũy tích 01, đạt 3,8%.

### **b) Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính**

- Số người được khám sàng lọc: 261, lũy tích 391.
- Số người trên 40 tuổi được khám sàng lọc: 220 người, lũy tích 326.
- Số bệnh nhân phát hiện: 12
- Số bệnh nhân quản lý (năm): 79 bệnh nhân.

### **c) Nhận xét, đánh giá công tác phòng, chống bệnh lao, bệnh phổi**

- Bệnh lao: so với cùng kỳ năm trước, số người khám phát hiện lao giảm 30,5%, số bệnh nhân lao các thể thu dung bằng so với cùng kỳ năm trước, số bệnh nhân điều trị khỏi chung giảm 5,6%, số bệnh nhân tử vong tương đương cùng kỳ năm trước.

- Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính: so với cùng kỳ năm trước, số người khám sàng lọc tăng 42%, số bệnh nhân mắc mới phát hiện được trong tháng tăng 75%.

## **9. Công tác Truyền thông – Giáo dục sức khỏe:**

- Triển khai các hoạt động truyền thông phòng chống dịch bệnh COVID-19 phù hợp tình hình, diễn biến của dịch bệnh như: Bảo vệ gia đình bạn khỏi COVID-19, tiêm mũi nhắc lại, đánh bại COVID-19; Dịch COVID-19 diễn biến khó lường; Các biện pháp phòng chống dịch COVID-19 dịp Tết Nguyên Đán; Tiêm vacxin là quyền lợi cá nhân – trách nhiệm cộng đồng...

- Truyền thông phòng chống các bệnh truyền nhiễm lưu hành, mới nổi, tái nổi như: Sốt xuất huyết, bệnh Tay chân miệng, bệnh sởi, bệnh viêm não, cúm mùa, bệnh Đậu mùa khỉ, bệnh Lao, Phổi, phòng chống HIV/AIDS, Cúm lạc đà...

- Truyền thông phòng chống các bệnh không lây nhiễm: Tăng huyết áp; Đái tháo đường; Bệnh tim mạch; Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính; Xây dựng thói quen đi bộ để bảo đảm sức khỏe; Cần dự trữ thuốc gì để trẻ đón Tết an toàn, khỏe mạnh; ...

- Truyền thông về giảm ăn muối; Tác hại của bia, rượu và cách giải rượu dịp Tết nguyên Đán; Rượu bia một trong những nguyên nhân chính gây ra tai nạn giao thông trong những dịp lễ Tết; Chế độ ăn uống khoa học, hợp lý trong những



ngày Tết; Cần làm gì trong những ngày cận Tết để có làn da đẹp; Giữ an toàn khi đi trên đường; Ngộ độc thực phẩm có chứa ma túy; Những việc cần làm ngày Tết; Bà bầu có kiêng uống cà phê không; Bảo vệ mình trước các bệnh lây truyền qua muỗi đốt ...

- Truyền thông về an toàn vệ sinh thực phẩm: Chủ đề Sức khỏe là vàng - Cảnh giác với ngộ độc thực phẩm.

## **II. CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH**

### **1. Y học hiện đại:**

#### a) Triển khai các hoạt động

- Thực hiện nghĩa vụ luân phiên, ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục trong khám chữa bệnh.

- Tiếp tục thực hiện Bộ 83 tiêu chí chất lượng; đổi mới phong cách phục vụ, nâng cao y đức; xây dựng cơ sở y tế “Xanh - Sạch - Đẹp” hướng tới sự hài lòng của người bệnh; thực hiện các chính sách khám chữa bệnh.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, rút ngắn thời gian chờ đợi, tạo thuận lợi cho bệnh nhân trong việc khám chữa bệnh.

#### b) Kết quả thực hiện

- Trong tháng đã khám, điều trị cho 157.562, lũy tích 360.191 lượt người<sup>11</sup>. Công suất sử dụng giường bệnh tuyến tỉnh là 71%, tuyến huyện là 14%<sup>12</sup>.

- Khám và điều trị cho bệnh nhân nội trú trong tháng 7.359 lượt người, lũy tích 17.559 lượt người. Trong đó: tuyến tỉnh 6.358 lượt người; tuyến huyện 1.001 lượt người.

#### c) Nhận xét, đánh giá công tác khám chữa bệnh

- So với tháng trước: Số lượt KCB giảm 22%, công suất giường bệnh tuyến tỉnh giảm 26% , tuyến huyện giảm 30%.

- So với cùng kỳ năm trước: số lượt KCB tăng 17%, công suất giường bệnh tuyến tỉnh tăng 8%, tuyến huyện giảm 6%.

### **2. Công tác Y dược cổ truyền:**

Trong tháng khám và điều trị 25.372 lượt người. Trong đó: Tuyến tỉnh 3.390 lượt khám; Tuyến huyện 18.427 lượt khám; Tuyến xã 3.555 lượt khám.

#### Nhận xét, đánh giá

Hoạt động khám chữa bệnh YHCT kết hợp chặt chẽ giữa khám chữa bệnh hiện đại và khám chữa bệnh y học cổ y truyền trong công tác khám chữa bệnh.

<sup>11</sup>Tổng số lần khám tuyến tỉnh 160.138 lượt khám. Trong đó: BV Vũng Tàu 63.669; BV Bà Rịa 68.185; BV Tâm Thần 7.947; BV Mắt 13.332; BV YHCT 6.670; BV Phôi 335. Tuyến huyện 135.835. Trong đó: TTYT Xuyên Mộc 22.047; TTYT Long Điền 18.238; TTYT Phú Mỹ 17.902; TTYT Châu Đức 16.703; TTYT Côn Đảo 3.649; TTYT Đất Đỏ 14.717; TTYT TP Vũng Tàu 23.767; TTYT TP Bà Rịa 18.812. Tuyến xã 64.218 lượt khám. Trong đó: TTYT Xuyên Mộc 6.180; TTYT Long Điền 10.316; TTYT Phú Mỹ 880; TTYT Châu Đức 5.768; TTYT Đất Đỏ 3.690; TTYT TP Vũng Tàu 36.031; TTYT TP Bà Rịa 1.353.

<sup>12</sup>Công suất sử dụng giường bệnh tuyến tỉnh 71%. Trong đó: Bệnh viện Vũng Tàu 85%; Bệnh viện Bà Rịa 83%; BV Tâm Thần 92%; BV Mắt 73%, YHCT 24%. Công suất sử dụng giường bệnh tuyến huyện 14%. Trong đó: TTYT Xuyên Mộc 15%; TTYT Long Điền 22%; TTYT Phú Mỹ 12%; TTYT Châu Đức 9%; TTYT Đất Đỏ 5%; TTYT Côn Đảo 7%.

### **3. Khám chữa bệnh cho đối tượng thuộc diện Ban BVSKCB quản lý:**

Trong tháng đã khám và điều trị cho đối tượng bệnh nhân là cán bộ 1.693 lượt người<sup>13</sup>. Số liệu cộng dồn đến tháng 02 năm 2023 là 3.694 lượt người<sup>14</sup>.

### **4. Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em:**

#### a) Triển khai các hoạt động

- Duy trì các hoạt động để thực hiện chỉ tiêu giao và công tác khám chữa bệnh sản phụ khoa tại cơ sở 2 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

- Tình trạng đẻ rơi vẫn còn xảy ra, trong tháng có 2 ca đẻ rơi.

- Trong tháng có 01 ca tử vong mẹ tại Bệnh viện Bà Rịa.

#### b) Kết quả thực hiện

- Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống trong tháng ghi nhận 01 trường hợp, đạt 52,3%000 (chỉ tiêu <26%0000).

- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 01 tuổi trong tháng ghi nhận 03 trường hợp, cộng dồn 05 trường hợp, chiếm 2,6% (chỉ tiêu dưới 8%).

- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trong tháng ghi nhận 03 trường hợp, cộng dồn 05 trường hợp, chiếm 2,6% (chỉ tiêu dưới 14%).

#### c) Nhận xét, đánh giá

Các chỉ tiêu nằm trong giới hạn kiểm soát.

## **III. THỰC HIỆN CÁC CÔNG TÁC TRỌNG TÂM TRONG THÁNG**

### **1. Công tác Văn phòng:**

- Nghiên cứu, tìm hiểu thông tin để xây dựng lại chính sách thu hút đào tạo, giữ chân.

- Trình Ban Thi đua khen thưởng xét tặng các danh hiệu của ngành năm 2022.

- Chuẩn bị công tác xét tuyển viên chức đợt 2 năm 2022 vào ngày 18/02/2023.

- Tham mưu kiện toàn các chức danh lãnh đạo của Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị còn thiếu:

+ Chức danh lãnh đạo các đơn vị: đã kiện toàn chức danh P.Giám đốc Bệnh viện Mắt; Phó Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Long Điền.

+ Bổ nhiệm chức danh kế toán trưởng của Sở Y tế (*theo Quyết định số 180/QĐ-UBND tỉnh ngày 06/02/2023*)

+ Chức danh PGĐ Sở: hiện đã có ý kiến đồng ý chủ trương bổ nhiệm, Văn phòng sẽ tiến hành các thủ tục tiếp theo.

<sup>13</sup>BV Bà Rịa 402, Long Điền 6, Xuyên Mộc 60, BV Vũng Tàu 1.137, TP BR 0, Châu Đức 13, Côn Đảo 35, Đất Đỏ 35, Phú Mỹ 5, TP Vũng Tàu 0.

<sup>14</sup>BV Bà Rịa 860, Long Điền 07, Xuyên Mộc 120, BV Vũng Tàu 2.422, TP BR 25, Châu Đức 51, Côn Đảo 67, Đất Đỏ 127, Phú Mỹ 15, TP Vũng Tàu 0.

- Rà soát nhu cầu đào tạo của các đơn vị: Văn phòng Sở đã có Công văn triển khai đến các đơn vị để đăng ký lại nhu cầu đào tạo năm 2023.

- Các nội dung đã thực hiện: tiếp tục triển khai các văn bản liên quan đến công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính.

- Công tác đang thực hiện: Đang tổng hợp danh mục các thủ tục hành chính toàn trình và 01 phần.

- Báo cáo số liệu tiếp nhận trong kỳ từ ngày 13/01/2023 – 13/02/2023:

+ Tổng hồ sơ tiếp nhận: 231 hồ sơ; trong đó tồn kỳ trước là 118 hồ sơ, hồ sơ tiếp nhận trực tiếp 5 hồ sơ và hồ sơ trực tuyến 108 hồ sơ.

+ Số hồ sơ đã giải quyết: 124 hồ sơ; trong đó trước hạn 120 hồ sơ, đúng hạn 03 hồ sơ, 01 hồ sơ quá hạn (lý do lỗi hệ thống theo báo cáo của bộ phận 1 cửa – 01 hồ sơ của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm)

+ Số hồ sơ đang giải quyết: 107 hồ sơ, trong đó có 107 hồ sơ trong hạn.

- Kết quả khảo sát sự hài lòng của bệnh nhân điều trị nội trú 95,8%.

## 2. Công tác Thanh tra, kiểm tra<sup>15</sup>

### a) Công tác kiểm tra

- Tổng số cơ sở được kiểm tra: 1.065. Số cơ sở vi phạm: 75 cơ sở. Trong đó: Nhắc nhở: 69 cơ sở, xử phạt: 06 cơ sở, số tiền xử phạt là 30.500.000 đồng.

- Số liệu cộng dồn đến tháng 02 năm 2023: Tổng số cơ sở được kiểm tra: 1.844, số cơ sở vi phạm: 111 cơ sở. Trong đó: nhắc nhở: 99 cơ sở, xử phạt: 11 cơ sở, số tiền phạt là 54.375.000 đồng.

### b) Nhận xét, đánh giá

So cùng kỳ 2022: Số cơ sở được kiểm tra tăng 109%. Số tiền phạt tăng so với cùng kỳ năm trước là 29.875.000 đồng.

## 3. Công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Công tác tiếp công dân: 00.

b) Tiếp nhận đơn thư tố cáo: Kỳ trước chuyển sang 01; trong kỳ 00.

c) Phân loại đơn thư tố cáo: Đơn kiến nghị, phản ánh: 00.

<sup>15</sup> Kiểm tra cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân:

Kiểm tra cơ sở Khám chữa bệnh công lập và KCB tư nhân:

a) Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố: Số cơ sở KCB công lập được kiểm tra: 00. Số cơ sở KCB tư nhân được kiểm tra: 04. Số cơ sở YHCT được kiểm tra 03. Số cơ sở vi phạm 00. Số liệu cộng dồn đến 02 tháng năm 2023: Số cơ sở KCB tư nhân được kiểm tra: 17. Số cơ sở vi phạm: 01 cơ sở. Trong đó: Nhắc nhở: 01 cơ sở. Tổng số cơ sở YHCT được kiểm tra: 09. Số cơ sở vi phạm: 00 cơ sở.

b) Thanh tra Sở: Số cơ sở KCB công lập kiểm tra: 02. Số cơ sở vi phạm 00. Số cơ sở KCB tư nhân được kiểm tra 01. Số cơ sở vi phạm 01. Số liệu cộng dồn đến 02 tháng năm 2023: Tổng số cơ sở KCB công lập được kiểm tra: 02. Số cơ sở KCB tư nhân được kiểm tra 01. Số cơ sở vi phạm: 01 cơ sở.

Kiểm tra cơ sở Dược công lập và Dược tư nhân:

a) Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố: Số cơ sở dược công lập được kiểm tra: 00. Số cơ sở dược tư nhân được kiểm tra: 28. Số cơ sở vi phạm: 00 cơ sở. Số liệu cộng dồn đến 02 tháng năm 2023: Tổng số cơ sở dược tư nhân được kiểm tra 55 cơ sở. Số cơ sở vi phạm: 00.

b) Thanh tra Sở: Trong tháng số cơ sở dược công lập được kiểm tra: 00. Số cơ sở dược tư nhân được kiểm tra 00.

Kiểm tra cơ sở kinh doanh mỹ phẩm, hóa chất diệt khuẩn, diệt côn trùng:

a) Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố: Trong tháng số cơ sở kinh doanh mỹ phẩm được kiểm tra: 10. Số cơ sở diệt hóa chất côn trùng được kiểm tra 07. Số liệu cộng dồn đến 02 tháng năm 2023: Số cơ sở kinh doanh dược phẩm 21 cơ sở. Số cơ sở diệt hóa chất côn trùng : 16 cơ sở. Số cơ sở vi phạm 00.

b) Thanh tra Sở: Trong tháng số cơ sở kinh doanh mỹ phẩm được kiểm tra: 00. Số cơ sở diệt hóa chất côn trùng 00 cơ sở. Số liệu cộng dồn đến 02 tháng năm 2023: 00 cơ sở. Số cơ sở vi phạm 00.

d) Kết quả xử lý đơn thư: Chuyển đơn 00, đã giải quyết 00, đang xử lý 01.

- Số liệu cộng dồn đến tháng 01 năm 2023:

+ Tổng số 00 đơn. Trong đó: tố cáo: 01, kiến nghị, phản ánh 00 đơn.

+ Kết quả xử lý: Đã giải quyết 00, đang giải quyết 01, lưu đơn 00; chuyển đơn 00; đơn trùng 00; không thụ lý 00.

Nhận xét, đánh giá: So cùng kỳ 2022, tháng 2 năm 2022 cũng không có đơn thư nào.

#### **4. Phản ánh trên Đường dây nóng Bộ Y tế và Lãnh đạo tỉnh:**

- Số lượng thông tin phản ánh tồn đầu kỳ: 01.

- Số lượng thông tin phản ánh tiếp nhận trong kỳ 08 (BVBR 05; BV Vũng tàu 01; BV Mắt 01; TTYT Phú Mỹ 01).

- Số lượng thông tin đã được xử lý dứt điểm và trả lời công dân: 08.

- Số phản ánh dứt điểm: 09.

- Số liệu cộng dồn đến tháng 02 năm 2023: Tiếp nhận trong kỳ: 15. Xử lý, giải quyết dứt điểm: 15, đang giải quyết 00.

Nhận xét, đánh giá: Tháng 02/2023 số phản ánh tăng so với tháng 02/2022 (không có phản ánh) chủ yếu phản ánh về thủ tục chuyển tuyến do người dân chưa nắm quy định; nội dung phản ánh không trùng lặp so với tháng 12/2022 và tháng 01/2023.

#### **5. Công tác chuyên môn Nghiệp vụ:**

- Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, hướng dẫn các địa phương thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát dịch bệnh, đánh giá nguy cơ dịch bệnh; tăng cường giám sát, phát hiện sớm, đáp ứng nhanh, xử lý triệt để ổ dịch, không để lan rộng và kéo dài tại cộng đồng.

- Thực hiện đánh giá chất lượng các cơ sở khám chữa bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh năm 2022.

- Các công chức, viên chức chuẩn bị đề cương NCKH, sáng kiến trình Hội đồng KH-CN cơ sở duyệt, Giám đốc các đơn vị ra Quyết định phê duyệt.

- Họp hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xem xét phạm vi cấp tỉnh của các đề tài NCKH, sáng kiến Ngành y tế.

- Xây dựng kế hoạch phòng chống dịch COVID-19 năm 2023 và thực hiện giám sát biến thể COVID-19.

- Báo cáo tổng kết công tác triển khai thực hiện KCB, KSK định kỳ cho người cao tuổi trên địa bàn tỉnh năm 2022. Năm 2022, các BV tỉnh, các TTYT đã KCB nội trú, ngoài trú cho 828.297 lượt người cao tuổi; Các TTYT đã KSK định kỳ cho 60.907 trên chỉ tiêu 104.156 người cao tuổi (đạt 56,48%), các địa bàn đạt thấp là: TPVT 40,4%, thị xã Phú Mỹ 42%; các địa bàn đạt và vượt chỉ tiêu là: Long Điền 79,57%, TP Bà Rịa 71,93%.

- Tiếp tục tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 năm 2023 theo kế hoạch được duyệt.

- Tiếp tục đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng, triển khai các dịch vụ tiện ích quản lý Y tế thông minh (giai đoạn 1).

- Thực hiện điều chuyển thuốc cho các đơn vị trong Ngành đảm bảo các cơ sở y tế đều có đủ cơ số thuốc để phục vụ người bệnh.

## **6. Công tác Kế hoạch Tài chính:**

- Rà soát, bổ sung nhu cầu bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công các đơn vị trực thuộc năm 2023.

- Báo cáo các vấn đề liên quan đến việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19; việc thực hiện chính sách, pháp luật về y tế cơ sở, y tế dự phòng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Tiếp tục cập nhật, bổ sung báo cáo việc giải ngân các chương trình y tế theo kế hoạch.

- Tiếp tục theo dõi và tham mưu xử lý phương án sắp xếp các cơ sở y tế đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

## **7. Công tác chuyên môn khác:**

### a) Giám định y khoa:

#### **- Tháng 02/2023:**

#### **- Số liệu số đối tượng được kết luận chung: 435. Trong đó:**

+ Số ca khám giám định: 30 (Giám định chất độc hóa học: 04; Giám định Tai nạn lao động lần đầu: 15; Giám định Bệnh nghề nghiệp lần đầu: 01; Giám định hư trí: 10).

+ Số ca khám sức khỏe: 405.

#### **- Cộng dồn đến tháng 02/2023:**

#### **- Số liệu số đối tượng được kết luận chung: 837. Trong đó:**

+ Số ca khám giám định: 59 (Giám định chất độc hóa học: 06; Giám định Tai nạn lao động lần đầu: 24; Giám định Bệnh nghề nghiệp lần đầu: 06; Giám định tổng hợp: 01; Giám định hư trí: 20; Giám định BHXH một lần: 01; Giám định khác: 01).

+ Số ca khám sức khỏe: 778.

### b) Giám định pháp y:

- Tổng số ca giám định: 29. Trong đó: Giám định thương tật 22; Giám định tử thi 00; Giám định tình dục 07; Giám định nồng độ rượu 00; Giám định khác 00.

- Số liệu cộng dồn đến 02 tháng năm 2023: Tổng số ca giám định: 78. Trong đó: Giám định thương tật 66; Giám định tử thi 00; Giám định tình dục 10; Giám định nồng độ rượu 00; Giám định khác 02.

### c) Công tác đào tạo:

- Thực hiện tiến độ năm học 2022 – 2023; Phối hợp với Trường CĐYT Đồng Nai tổ chức nhập học và giảng dạy lớp CĐ Dược VB2 và CĐ Dược LT.
- Tổ chức lớp Cập nhật kiến thức chuyên ngành Dược CKD15; Thông báo và nhận đăng ký học viên lớp cập nhật kiến thức chuyên ngành dược CKD16
- Triển khai kế hoạch mở rộng đào tạo liên tục, đào tạo theo nhu cầu xã hội.
- Triển khai và tư vấn công tác tuyển sinh năm 2023; Hoàn thành điểm thi tốt nghiệp, ban hành quyết định tốt nghiệp lần 1 cho 15 học sinh lớp YSK5.
- Tham dự giao ban công tác khuyến học tỉnh; Tham gia họp Hội đồng thẩm định định mức kinh tế kỹ thuật ngành Hộ sinh, Điều dưỡng, Dược cao đẳng.
- Báo cáo Tổng kết và hoàn thiện công tác tuyển sinh năm 2022, gửi Sở LĐTĐBXH; Chuẩn bị nội dung báo cáo, đề xuất đào tạo nhân lực Điều dưỡng Hộ sinh trong tình hình thiếu nhân lực hiện nay cho giao ban ngành tháng 02/2023.
- Góp ý bản dự thảo Kế hoạch triển khai Quyết định số 311/QĐ-TTg ngày 05/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022-2030” trong lĩnh vực GDNN, gửi Sở LĐTĐBXH.
- Nghiên cứu TT 28/2023/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế giáo viên năm 2017.

#### **IV. NHẬN XÉT CHUNG:**

**1. TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH:** Trong tháng 02 ghi nhận 06 bệnh truyền nhiễm có số ca mắc<sup>16</sup>, trong đó 05 bệnh có số mắc rải rác, 01 bệnh gây dịch sốt xuất huyết đến nay đã ổn định.

##### Dịch bệnh sốt xuất huyết:

- + Số ca mắc đến 15/02 là: 356 ca, tăng 1,6 lần so cùng kỳ năm trước.
- + Giải pháp đã triển khai
- + Giám sát các ca bệnh tại 08 huyện/thị xã/thành phố và tiếp tục duy trì các giải pháp nhằm giảm số bệnh nhân SXH nặng, hạn chế tử vong<sup>17</sup>;
- + Bệnh nhân điều trị tại bệnh viện là: 76, đạt 67,3% tổng số mắc. Hiện đang điều trị 10 trường hợp (cập nhật đến 16 giờ ngày 12/02/2023).

Đến nay tình hình dịch bệnh đã giảm.

##### **2. AN TOÀN THỰC PHẨM:**

- Trong tháng, không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm.
- Số liệu cộng dồn đến 02 tháng năm 2023: 00 vụ ngộ độc thực phẩm, 00 ca mắc, 00 ca tử vong.

<sup>16</sup> Thương hàn, Viêm não vi rút, Quai bị, Thủy đậu, Tay chân miệng, Sốt xuất huyết, Bệnh do liên cầu lợn ở người.

<sup>17</sup> Công văn số 3396/SYT-NV ngày 02/8/2022 của Sở Y tế, Công văn số 4013/SYT-NV ngày 07/9/2022. Công văn 4014/SYT-NV ngày 07/9/2022 của SYT.

- Tỷ lệ Ngộ độc thực phẩm là 00/ 100.000 dân/ chỉ tiêu là dưới 7.

### **3. KHÁM CHỮA BỆNH**

- Xây dựng kịch bản COVID-19 đối với biến thể mới.
- Trong tháng đã khám, điều trị cho 157.562 lượt người, lũy tích 360.191 lượt người<sup>18</sup>. Công suất sử dụng giường bệnh tuyến tỉnh là 71%, tuyến huyện là 14%<sup>19</sup>.
- Khám và điều trị cho bệnh nhân nội trú trong tháng 7.359 lượt người, lũy tích 17.559 lượt người. Trong đó: tuyến tỉnh 6.358 lượt người; tuyến huyện 1.001 lượt người.

#### **c) Nhận xét, đánh giá công tác khám chữa bệnh**

- So với tháng trước: Số lượt KCB giảm 22%, công suất giường bệnh tuyến tỉnh giảm 26% , tuyến huyện giảm 30%.
- So với cùng kỳ năm trước: số lượt KCB tăng 17%, công suất giường bệnh tuyến tỉnh tăng 8%, tuyến huyện giảm 6%.

### **4. KHÁM CHỮA BỆNH ĐỐI TƯỢNG THUỘC DIỆN BAN BẢO VỆ SỨC KHỎE CÁN BỘ**

Trong tháng đã khám và điều trị cho đối tượng bệnh nhân là cán bộ 1.693 lượt người<sup>20</sup>. Số liệu cộng dồn đến tháng 02 năm 2023 là 3.694 lượt người<sup>21</sup>.

### **5. THANH TRA, KIỂM TRA**

#### **a) Công tác kiểm tra**

- Tổng số cơ sở được kiểm tra: 1.065 cơ sở . Số cơ sở vi phạm: 75 cơ sở. Trong đó: nhắc nhở: 69 cơ sở, xử phạt: 06 cơ sở, số tiền xử phạt là 30.500.000 đồng.

- Số liệu cộng dồn đến tháng 02 năm 2023: Tổng số cơ sở được kiểm tra: 1.844 cơ sở, số cơ sở vi phạm: 111 cơ sở. Trong đó: nhắc nhở: 99 cơ sở, xử phạt: 11 cơ sở, số tiền phạt là 54.375.000 đồng.

#### **b) Nhận xét, đánh giá**

So cùng kỳ 2022: Số cơ sở được kiểm tra tăng 109%. Số tiền phạt tăng so với cùng kỳ năm trước là 29.875.000 đồng.

## **B. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG THÁNG 03 NĂM 2023**

### **1. Triển khai thực hiện Kế hoạch công tác Y tế thực hiện Chương trình hành**

<sup>18</sup>Tổng số lần khám tuyến tỉnh 160.138 lượt khám. Trong đó: BV Vũng Tàu 63.669; BV Bà Rịa 68.185; BV Tâm Thần 7.947; BV Mắt 13.332; BV YHCT 6.670; BV Phôi 335. Tuyến huyện 135.835. Trong đó: TTYT Xuyên Mộc 22.047; TTYT Long Điền 18.238; TTYT Phú Mỹ 17.902; TTYT Châu Đức 16.703; TTYT Côn Đảo 3.649; TTYT Đất Đỏ 14.717; TTYT TP Vũng Tàu 23.767; TTYT TP Bà Rịa 18.812. Tuyến xã 64.218 lượt khám. Trong đó: TTYT Xuyên Mộc 6.180; TTYT Long Điền 10.316; TTYT Phú Mỹ 880; TTYT Châu Đức 5.768; TTYT Đất Đỏ 3.690; TTYT TP Vũng Tàu 36.031; TTYT TP Bà Rịa 1.353.

<sup>19</sup>Công suất sử dụng giường bệnh tuyến tỉnh 71%. Trong đó: Bệnh viện Vũng Tàu 85%; Bệnh viện Bà Rịa 83%; BV Tâm Thần 92%; BV Mắt 73%; YHCT 24%. Công suất sử dụng giường bệnh tuyến huyện 14%. Trong đó: TTYT Xuyên Mộc 15%; TTYT Long Điền 22%; TTYT Phú Mỹ 12%; TTYT Châu Đức 9%; TTYT Đất Đỏ 5%; TTYT Côn Đảo 7%.

<sup>20</sup>BV Bà Rịa 402, Long Điền 6, Xuyên Mộc 60, BV Vũng Tàu 1.137, TP BR 0, Châu Đức 13, Côn Đảo 35, Đất Đỏ 35, Phú Mỹ 5, TP Vũng Tàu 0.

<sup>21</sup>BV Bà Rịa 860, Long Điền 07, Xuyên Mộc 120, BV Vũng Tàu 2.422, TP BR 25, Châu Đức 51, Côn Đảo 67, Đất Đỏ 127, Phú Mỹ 15, TP Vũng Tàu 0.

động của UBND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

2. Tiếp tục công tác phòng, chống dịch COVID-19.

3. Tập trung nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tuyến huyện, đảm bảo đủ nhân lực khám chữa bệnh. Thực hiện luân phiên bác sĩ cho tuyến y tế sở.

4. Tiếp tục theo dõi các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, xã hội hóa y tế, sắp xếp nhà đất.

5. Giám sát quản lý sử dụng trang thiết bị y tế, đề xuất các giải pháp hỗ trợ các cơ sở y tế trong việc bảo trì, sửa chữa, vận hành máy móc, trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân.

6. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền ngày 27/2 kỷ niệm ngày Thầy thuốc Việt Nam.

7. Quyết toán NSNN năm 2022 các đơn vị trực thuộc.

8. Thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định.

*Kèm theo các phụ lục./*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Y tế;
- HĐND tỉnh;
- Sở KHĐT;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Các P.Giám đốc SYT;
- Các CQĐV trực thuộc;
- Các Phòng Y tế H/TX/TP;
- Các phòng CMNV SYT;
- Lưu: VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Minh An**

**BẢNG THEO DÕI CÁC CHỈ TIÊU**



STT	Chỉ số	Kế hoạch 2023	Thực hiện 02/2023
	<b>Chỉ tiêu đầu vào</b>		
1.	Bác sĩ/ vạn dân (BS)	9,5	<b>9,3</b>
2.	Giường bệnh/ vạn dân (GB)	20,4	<b>20,4</b>
3.	Trạm Y tế xã, phường có bác sỹ làm việc (%)	100	<b>100</b>
	<b>Chỉ tiêu về hoạt động</b>		
4.	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ (%)	98	<b>16,46</b>
5.	Tỷ lệ rác thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn (%)	100	<b>100</b>
	<b>Chỉ tiêu đầu ra</b>		
6.	Tuổi thọ trung bình (tuổi)	76,6	-
7.	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên (‰)	10,0	-
8.	Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống (%000)	< 26	<b>52,3</b>
9.	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi (‰)	< 8	<b>2,6</b>
10.	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi (‰)	< 14	<b>2,6</b>
11.	Tỷ lệ người nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng (%).	< 0,3	<b>0,278</b>
12.	Số người mắc ngộ độc thực phẩm trên 100.000 dân (Người)	< 7	<b>00</b>
13.	Tỷ lệ hài lòng bệnh nhân nội trú (%)	>80	<b>95,8</b>